

Số: 283/QĐ-ĐHTV

Vĩnh Phúc, ngày 6 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

*(Về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ Đại học hệ Chính quy
Ngành Luật kinh tế)*

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRUNG VƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 700/QĐ-TTg ngày 18/05/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Trung Vương;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 04 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 5410/QĐ-BGDĐT ngày 16/11/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo giao cho Trường Đại học Trung Vương đào tạo hệ chính quy ngành Luật kinh tế;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành theo quyết định số 292/QĐ-ĐHTV ngày 26/07/2018 của Trường Đại học Trung Vương;

Theo đề nghị của Trường khoa Luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo trình độ Đại học Chính quy, ngành Luật kinh tế theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Trung Vương (có chương trình kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và được áp dụng từ năm học 2021-2022.

Điều 3. Trường Khoa Luật, Trường các Phòng, Khoa thuộc Trường Đại học Trung Vương và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *th*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hiệu trưởng (để chỉ đạo thực hiện);
- Lưu: VT; các Phòng, Khoa.



TS. Nguyễn Huy Oanh

Vĩnh Phúc, ngày 6 tháng 9 năm 2021

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
NGÀNH LUẬT KINH TẾ**

*(Ban hành theo quyết định số 283/QĐ-ĐHTV ngày 6 / 9 /2021 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Trung Vương)*

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Luật kinh tế có kiến thức cơ bản về pháp luật, thực tiễn pháp lý ở Việt Nam và những kiến thức về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội có liên quan đến lĩnh vực pháp luật, trên cơ sở kiến thức về kinh tế; Có năng lực để nghiên cứu và xử lý những vấn đề phát sinh trong hoạt động quản lý Nhà nước về kinh tế; có khả năng làm việc độc lập sáng tạo, thích ứng cao với môi trường kinh tế - xã hội, có phẩm chất chính trị tốt, lập trường tư tưởng vững vàng. Nhiệt tình với công việc, gắn bó với nghề nghiệp, trung thực trong công việc được giao nhằm phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

1.2 Mục tiêu cụ thể

- Về kiến thức:

Vận dụng được các kiến thức đại cương, cơ sở ngành để giải quyết độc lập, sáng tạo các vấn đề pháp lý trong hoạt động kinh doanh.

- Về kỹ năng:

+ Phân tích, đánh giá được các tình huống pháp luật và lựa chọn áp dụng những quy định pháp luật thích hợp.

+ Có kỹ năng, nghiệp vụ trong kinh doanh thương mại và tư vấn pháp lý trong kinh doanh.

+ Đề xuất được giải pháp để giải quyết các vấn đề pháp lý trong hoạt động kinh doanh.

+ Thành thạo trong việc soạn thảo các hợp đồng, tài liệu và văn bản pháp luật sử dụng các quan hệ dân sự, thương mại và hành chính.

+ Có phương pháp trình bày khoa học, thực hiện tư vấn pháp luật đạt hiệu quả cho các đối tượng.

+ Có khả năng thích ứng với các thay đổi nhanh của xã hội, khả năng tự học trong môi trường làm việc và học tập suốt đời.

+ Khai thác và sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên ngành để phục vụ cho công việc chuyên môn có hiệu quả

+ Sử dụng được tiếng Anh để nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn.

+ Có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả.

- Về thái độ:

+ Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu của công việc.

+ Có tinh thần trách nhiệm, luôn chủ động, sáng tạo trong công việc được giao.

+ Có ý thức chấp hành kỷ luật và đạo đức nghề nghiệp.

+ Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp.

- Khả năng nghề nghiệp: Sau khi tốt nghiệp có khả năng:

+ Làm việc tại các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, cơ quan lập pháp, cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế;

+ Làm việc tại Tòa án kinh tế thuộc hệ thống Tòa án nhân dân, các tổ chức Trọng tài thương mại và các đơn vị dịch vụ, tư vấn pháp luật kinh doanh.

+ Làm việc tại bộ phận pháp chế, bộ phận tư vấn cho tất cả các loại hình doanh nghiệp để giúp doanh nghiệp hoạt động đúng pháp luật.

+ Làm việc trong các cơ quan nhà nước: Sở Tư pháp, Phòng Kinh tế, Viện Kiểm sát, Sở Công Thương, Cục thuế, Hải quan,...

+ Làm công tác nghiên cứu trong các Viện nghiên cứu về nhà nước và pháp luật.

+ Làm luật sư khi có đủ kinh nghiệm và có chứng chỉ theo quy định.

+ Giảng viên Luật kinh tế ở các trường Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp.

2. Thời gian đào tạo: 04 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 128 tín chỉ không tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục an ninh quốc phòng.

4. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

5. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo: Theo hệ thống tín chỉ.

Thực hiện quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo

5.2. Điều kiện tốt nghiệp:

- Sinh viên được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng chứng chỉ khi hội đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 27&28 Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy ban hành kèm theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Sinh viên phải tích lũy đủ 128 TC (không kể các môn GDTC và GDQP) theo khung chương trình đào tạo.

6. Thang điểm:

Thang điểm 10, sau đó quy đổi ra thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quyết định 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Nội dung chương trình:

Chương trình được bố trí theo tín chỉ, mỗi tín chỉ được bố trí 15 tiết, 1 tiết lý thuyết bằng 50 phút, bằng 2 tiết thực hành.

STT	KHỐI KIẾN THỨC	SỐ TÍN CHỈ
7.1	Kiến thức giáo dục đại cương	32
	Các học phần bắt buộc	28
	Các học phần tự chọn	4
7.2	Các kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành	84
7.2.1	Kiến thức cơ sở ngành	42
	Các học phần bắt buộc	34
	Các học phần tự chọn	8
7.2.2	Kiến thức chuyên ngành	42
	Các học phần bắt buộc	32
	Các học phần tự chọn	10
7.3	Thực tập và thi tốt nghiệp	12
7.3.1	Thực tập	3
7.3.2	Khóa luận tốt nghiệp	9
Tổng cộng		128

Các học phần cụ thể:

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	KỲ HỌC THEO KẾ HOẠCH CHUẨN									
No.	Course ID	Subjects	Credits	Typical Schedule									
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

[illegible]

2.2	CNEL0050	Pháp luật Thương mại điện tử	3(3-1-0-6)									X
2.3	CNEL0051	Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	3(3-1-0-6)									X
Tổng số tín chỉ toàn khóa			128									

8. Kế hoạch giảng dạy (Dự kiến, nếu có sự thay đổi, Nhà trường sẽ thông báo cụ thể sau)

HỌC KỲ I				
STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	GHI CHÚ
1	MCCB1002	Triết học Mác - Lênin	3(3-1-0-6)	
2	MCCB1006	Tâm lý học đại cương	2(2-1-0-4)	
3	MCCB1007	Kỹ năng mềm	2(2-0-1-4)	
4	MCCB1008	Xã hội học	2(2-1-0-4)	
5		Tự chọn	2	
6	MCCB1011	Tiếng anh 1	3(3-1-1-6)	
7	MCCB1014	Tin học đại cương	2(1-0-2-4)	
TỔNG			16	
HỌC KỲ II				
STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	
1	MCCB1004	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2(2-1-0-4)	
2	MCCB1005	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2(2-1-0-4)	
3	MCCB1012	Tiếng anh 2	3(2-1-1-6)	
4	CSEL0001	Logic học	2(2-1-0-4)	
5	CSBA0055	Kinh tế vi mô	2(2-1-0-4)	
6	CSEL0004	Luật Hiến pháp	3(3-1-0-6)	
7		Tự chọn	2	
TỔNG			16	
HỌC KỲ III				
STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	
1	MCCB1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2(2-1-0-4)	
2	MCCB1013	Tiếng anh 3	3(2-1-1-6)	
3	CSBA0056	Kinh tế vĩ mô	2(2-1-0-4)	
4	CSEL0002	Lý luận Nhà nước và Pháp luật	3(3-1-0-6)	

5	CSEL0003	Kỹ năng soạn thảo văn bản pháp luật	2(2-0-1-4)	
6	CSEL0005	Luật Hành chính	3(3-1-0-6)	
7		Tự chọn	2	
TỔNG			17	

HỌC KỲ IV

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	
1	MCCB1001	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2(2-1-0-4)	
2	CSEL0006	Luật Dân sự	3(3-1-0-6)	
3	CSEL0007	Luật Hình sự	3(3-1-0-6)	
4	CSEL0008	Tư pháp Quốc tế	3(3-1-0-6)	
5	CSEL0009	Luật so sánh	2(2-1-0-4)	
6		Tự chọn 1	2	
7		Tự chọn 2	2	
TỔNG			17	

HỌC KỲ V

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	
1	CSEL0010	Luật đất đai	3(3-1-0-6)	
2	CSEL0011	Luật Lao động	3(3-1-0-6)	
3	CNEL0022	Luật Thương mại Việt Nam 1	3(3-1-0-6)	
4	CNEL0023	Luật Thương mại Việt Nam 2	3(3-1-0-6)	
5		Tự chọn 1	2	
6		Tự chọn 2	2	
TỔNG			16	

HỌC KỲ VI

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	
1	CNEL0024	Luật Doanh nghiệp	3(3-1-0-6)	
2	CNEL0025	Luật Ngân hàng	3(3-1-0-6)	
3	CNEL0026	Tiếng Anh chuyên ngành	3(3-1-0-6)	
4	CNEL0028	Luật Môi trường	2(2-1-0-4)	
5	CNEL0030	Pháp luật Hải quan và Xuất nhập khẩu	2(2-1-0-4)	
6		Tự chọn 1	2	
7		Tự chọn 2	2	
TỔNG			17	

HỌC KỲ VII

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	
1	CNEL0027	Luật tài chính Việt Nam	3(3-1-0-6)	
2	CNEL0029	Luật đầu tư	3(3-1-0-6)	
3	CNEL0031	Luật Thương mại Quốc tế	2(2-1-0-4)	
4	CNEL0032	Pháp luật Kinh doanh bất động sản	2(2-1-0-4)	
5	CNEL0033	Luật cạnh tranh	3(3-1-0-6)	
6		Tự chọn 1	2	
7		Tự chọn 2	2	
TỔNG			17	
HỌC KỲ VIII				
STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	
1	BCLK0001	<i>Thực tập tốt nghiệp</i>	3	
2	<i>Khóa luận/thi tốt nghiệp/học phần thay thế</i>		9	
2.1	CNEL0049	Kỹ năng giải quyết tranh chấp lao động	3(3-0-1-6)	
2.2	CNEL0050	Pháp luật Thương mại điện tử	3(3-1-0-6)	
2.3	CNEL0051	Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	3(3-1-0-6)	
TỔNG			12	
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			128	

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

9.1. Đối với các đơn vị đào tạo

- Phải nghiên cứu chương trình khung để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.
- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp đề cương chi tiết học phần cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.
- Yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học phần tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần tự chọn.
- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.

9.2. Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện học phù hợp.
- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.

- Tổ chức cho sinh viên các buổi Seminar, chú trọng đến việc tổ chức học Irloin và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận môn học, giảng viên lựa chọn các Phương pháp giảng dạy phù hợp với tính chất và yêu cầu của môn học; hướng dẫn CLICO luận, giải quyết các bài tập tình huống tại lớp và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

9.3. Đối với sinh viên

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ.

- Phải nghiên cứu chương trình, giáo trình, bài giảng trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng.

- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp theo quy định hiện hành.

- Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi seminar.

- Tích cực khai thác các tài liệu trên mạng và trong thư viện của Trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm báo cáo tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp.

- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá học phần theo quy định của nhà trường.

9.4. Kiểm tra, đánh giá

Điểm đánh giá đối với học phần lý thuyết bao gồm: Điểm kiểm tra thường xuyên (hoặc tiểu luận), điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm đánh giá bài tập lớn, điểm chuyên cần, điểm thi giữa kỳ và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và phải có trọng số 70%, điểm chuyên cần 10%, điểm kiểm tra giữa học phần là 20%. *tl*



TS. Nguyễn Huy Oanh